

Bản án số: 17/2019/HS-ST
Ngày 27 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Doanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Đăng Hùng

Bà Nguyễn Thị Gấm

- Thư ký phiên toà: Bà Đàm Thị Bưởi - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Bàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2019/TLST-HS ngày 09/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HS ngày 13/6/2019 đối với các bị cáo:

Trần Đăng S (tên gọi khác: không) - Sinh ngày 01 tháng 4 năm 1989 tại thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở : Xóm T 2, xã Th, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đăng S và bà Doãn Thị Y; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: 01 (một) – Ngày 15/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; nhân thân: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” - đã được xóa án tích.

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 27/02/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

Lương Đức C (tên gọi khác: không) - Sinh ngày 18 tháng 12 năm 1989 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở : Thôn Th, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn H và bà Hà Thị Q; có vợ Triệu Thị D; con: Có 01 con; tiền

sự: Không; tiền án: 02 (hai) – Ngày 23/10/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Ngày 08/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 28/02/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Trần Văn T (tên gọi khác: Trần Quốc H) - Sinh năm 1984; trú tại: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt.

+ Đinh Xuân L - Sinh năm 1987; trú tại: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt.

+ Hứa Phúc S1 - Sinh năm 1976; trú tại: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt.

+ Nguyễn Duy Q - Sinh năm 1992; trú tại: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt.

+ Hà Thiêm T - Sinh năm 1993; trú tại: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27/02/2019, Tổ công tác Công an huyện B tuần tra kiểm soát tại khu vực thôn Kh , xã H, huyện B phát hiện Trần Đăng S (sinh năm 1989; trú tại xóm Tc 2, xã Th, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) đang đi bộ tại ngã ba r ẽ vào xã H có biểu hiện tàng trữ, vận chuyển ma túy. Tổ công tác kiểm tra phát hiện tại túi quần bên phải phía trước của S đang mặc có 03 gói nhỏ bên trong đều có chứa chất bột màu trắng dạng cục và dạng bột nghi là ma túy (heroin). Tổ công tác tiến hành thử phản ứng nhanh số chất bột trên cho kết quả dương tính với ma túy (heroin). Tổ công tác niêm phong các gói chất bột như lúc đầu và niêm phong trong phong bì ký hiệu “S”. Đồng thời, tổ công tác cũng phát hiện và tạm giữ của S một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màn hình cảm ứng màu vàng đồng đã qua sử dụng và niêm phong vào phong bì ký hiệu “S2”; một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “S1”; số tiền 530.000đ niêm phong vào phong bì ký hiệu “S3”.

Tại biên bản cân xác định khối lượng chất bột màu trắng dạng bột và dạng cục có phong bì ký hiệu “S” có khối lượng 1,108g. niêm phong toàn bộ số chất bột trên vào phong bì ký hiệu “S4” để gửi đi giám định.

Quá trình điều tra, Trần Đăng S khai nhận:

Ngày 22/02/2019, S gọi điện cho Lương Đức C (sinh năm 1989; trú tại: Thôn Th, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn) đến nhà chơi, C đồng ý. S ra Bến xe

khách Thái Nguyên để bắt xe đến nhà C. Trong lúc đợi xe, S mua của một người đàn ông khoảng 45 - 50 tuổi không biết tên, địa chỉ 01 gói ma túy với giá 500.000đ rồi bắt xe khách lên nhà C. Khi đến nhà C, cả hai người cùng rủ nhau đến khu vực theo đường liên xã H - L sử dụng ma túy. Buổi tối cùng ngày, S ngủ tại nhà C. Đến sáng ngày 23/02/2019, C dùng xe mô tô chở S lên thị trấn P, huyện B chơi. Đến khoảng 9 giờ cùng ngày, có Trần Văn T (sinh năm 1984, trú tại: Phô N, thị trấn P, huyện B) và Đinh Xuân L (sinh năm 1987; trú tại: Thôn C, xã P, huyện B) đến gặp C hỏi C mua ma túy. C hỏi S có bán ma túy cho T không thì S đồng ý. C chở S đến đoạn đường Quốc lộ 3 thuộc khu vực dốc N, thị trấn P, L chở T đi theo. Khi gặp nhau, T đưa cho C số tiền 200.000đ, S đưa cho T 01 gói ma túy.

Ngày 24/02/2019, S một mình bắt xe khách từ thị trấn P, huyện B xuống Bến xe khách Thái Nguyên với mục đích tìm mua ma túy và hẹn C 15 giờ cùng ngày đón S tại cổng hội xuân thị trấn P. Tại khu vực bến xe Thái Nguyên, S mua với một người đàn ông khoảng 45 - 50 tuổi không rõ tên địa chỉ 01 gói ma túy với giá 1.200.000đ rồi tiếp tục bắt xe khách về thị trấn P, huyện B. Khi S đến thị trấn P thì C đón và chở S đi vào đoạn đường liên thôn K - Kh thuộc xã P, huyện B. Cùng lúc đó Nguyễn Duy Q (sinh năm 1992; trú tại: Thôn N, xã V, huyện B) điều khiển xe mô tô đi một mình; Hà Thiêm T (sinh năm 1993; trú tại: Thôn N, xã H, huyện B) điều khiển xe mô tô chở theo Hứa Phúc S 1 (sinh năm 1976; trú tại: Thôn N, xã L, huyện B) đi theo S và C. Khi đến đoạn đường dân sinh ở chân đồi Th thuộc thôn K, xã P thì dừng lại. Tại đây, S bán cho S1 một gói ma túy với giá 100.000đ. Sau đó, Q bảo mua một gói với giá 200.000đ nhưng nợ 100.000đ, S không đồng ý. Q quay sang đưa cho C 100.000đ và bảo C quen S thì nói hộ cho Q nợ 100.000đ. C cầm tiền của Q rồi đưa cho S và nói “cứ cho nó nợ đi”. S cầm tiền rồi đưa cho Q 01 gói ma túy. Sau khi S1 sử dụng xong gói ma túy vừa mua được thì quay lại hỏi S mua một gói ma túy với giá 100.000đ nhưng chỉ còn 20.000đ nên nói với S cầm cố giấy phép lái xe. S không đồng ý. S1 lại đưa 20.000đ và giấy phép lái xe cho C. C cầm tiền và giấy phép lái xe xem qua rồi đưa cho S và nói “giúp anh ấy tí”. S đồng ý cầm tiền và đưa lại giấy phép cho C giữ rồi đưa cho S1 01 gói ma túy. Sau khi bán ma túy xong, S đưa cho C 01 gói ma túy để C sử dụng. Quá trình sử dụng ma túy, C chia cho T một nửa. Cùng ngày, S1 đã trả cho S 80.000đ và lấy lại giấy phép lái xe từ C.

Khoảng 9 giờ ngày 27/02/2019, Sinh một mình đi xe khách từ thị trấn P, huyện B xuống khu vực Bến xe khách T, tỉnh Thái Nguyên để mua ma túy. Tại đây, S mua được 03 gói nhỏ ma túy với giá 1.600.000đ với một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ. Sau khi mua xong ma túy, Sinh cất số ma túy mua được vào túi quần bên phải đang mặc rồi tiếp tục bắt xe khách quay lại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Khi đến khu vực ngã ba rẽ vào xã H, huyện B thì bị bắt và thu giữ toàn bộ tang vật.

Căn cứ vào lời khai của Trần Đăng S và những người liên quan, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQCSĐT) đã triệu tập Lương Đức C để làm rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Quá trình làm việc, CQCSĐT đã thu giữ của Canh 01 ví giả da đã qua sử dụng bên trong có 01 thẻ điều trị Methadone, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lương Đức C ; số tiền 120.000đ, niêm phong trong phong bì ký hiệu “C”.

Tại bản kết luận giám định số 54/KTHS-MT ngày 11/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn , kết luận: Mẫu chất trong phong bì ký hiệu S4 gửi giám định là ma túy, loại Heroin có khối lượng là 1,108g (một phẩy một không tám gam).

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS-BT ngày 07/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện B để xét xử đối với Trần Đăng S về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015) và Lương Đức C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;
- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Đăng S từ 07 năm đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ.
- Áp dụng điểm b, q khoản 2 Điều 251; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lương Đức C từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.
- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.
- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu “T54” bên trong có chứa 1,070g ma túy và phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “S 4” do cơ quan giám định trả lại; 01 phong bì niêm phong ký hiệu “S5” bên trong có chứa giấy gói và phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “S”.

Trả lại 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Đăng S cho bị cáo S; 01 ví giả da màu nâu đã qua sử dụng , 01 chứng minh nhân dân mang tên Lương Đức C, 01 thẻ điều trị Methadone mang tên Lương Đức C cho bị cáo C.

Buộc bị cáo Trần Đăng S nộp lại số tiền 500.000đ do bán ma túy mà có.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 530.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím cứng màu xanh đen đã qua sử dụng , 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màn hình cảm ứng màu vàng đã qua sử dụng thu giữ của Sinh để thi hành án cho bị cáo S.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 120.000đ thu giữ của bị cáo C để thi hành án cho bị cáo Canh.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo S đề nghị được trả lại số tiền 530.000đ, giấy chứng minh nhân dân. Bị cáo C đề nghị được trả lại số tiền 120.000đ, ví giả da, giấy chứng minh nhân dân, thẻ điều trị Methadone.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về hành vi và quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để khẳng định: Do bản thân sử dụng chất ma túy nên trong các ngày 22, 24, 27/02/2019 tại khu vực Bến xe khách Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Trần Đăng S đã có hành vi mua ma túy để sử dụng và cùng với Lương Đức C bán cho nhiều con nghiện khác để kiếm lời, cụ thể: Khoảng 9 giờ ngày 23/02/2019, S cùng C bán cho Trần Văn T 01 gói ma túy với giá 200.000đ tại đoạn đường QL3 thuộc dốc N, thị trấn P, huyện B. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24/02/2019, tại đoạn đường dân sinh thuộc thôn K, xã P, huyện B, S cùng C bán cho Hứa Phúc S1 01 gói ma túy với giá 100.000đ, bán cho Nguyễn Duy Q 01 gói ma túy với giá 200.000đ nhưng cho Q nợ 100.000đ, rồi tiếp tục bán 01 gói cho S1 với giá 100.000đ. Ngày 27/02/2019 S mua 03 gói ma túy có khối lượng 1,108g để sử dụng và bán kiếm lời nhưng chưa kịp sử dụng và bán thì bị bắt và thu giữ toàn bộ tang vật.

Tuy giữa hai bị cáo không có thỏa thuận trước, nhưng bị cáo C biết rõ khi đi chơi, S có mang theo ma túy. C đã sử dụng mô tô chở S đến địa điểm bán ma túy, giúp S thu tiền của người mua, có lời nói với Sinh để cho Q, S1 nợ tiền mua ma túy và được S đồng ý. Do đó, Lương Đức C là đồng phạm của S với vai trò là người thực hành.

Hành vi của các bị cáo được thực hiện khi các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý chất ma túy của Nhà nước, là nguyên nhân gia tăng tệ nạn nghiện ma túy tại địa phương. Khi thực hiện hành vi bán ma túy, bị cáo C có hai tiền án chưa

được xóa án tích. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị cáo C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có nội dung:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a, ...

b, Phạm tội 02 lần trở lên;

.....

q, Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thấy:

Đối với bị cáo S: Bị cáo nhân thân xấu - Đã hai lần bị kết án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, khi bị bắt quả tang, bị cáo đã tự khai ra các lần bán ma túy vào các ngày 23, 24/02/2019 nên bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo C: Bị cáo có nhân thân xấu - đã hai lần bị kết án chưa được xóa án tích. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo có ông nội là Lường Văn Th được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo gây ra đối với xã hội, xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy cần buộc các bị cáo đi cải tạo tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính giáo dục cho các bị cáo và tính răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Vì vậy, mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định,

không có tài sản riêng nên các bị cáo không có khả năng thi hành. Vì vậy, HĐXX không áp dụng.

[4]. Đối với hành vi của S cho C ma túy để sử dụng vào các ngày 22, 24/02/2019 và hành vi của C cho Hà Thiêm T ma túy để sử dụng vào ngày 24/02/2019 nhưng không nhằm mục đích kiếm lời nên CQCSĐT không xử lý hình sự đối với S, C về các hành vi trên là đúng quy định.

[5]. Đối với hành vi của những người có liên quan đến vụ án:

- Đối với những người đàn ông mà S khai được mua ma túy vào các ngày 22, 24, 27/02/2019 tại khu vực Bến xe khách Thái Nguyên nhưng do S không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên CQCSĐT không có cơ sở để xác minh làm rõ.

- Đối với hành vi của Trần Văn T, Đinh Xuân L, Hứa Phúc S1, Nguyễn Duy Q là những người đã mua ma túy với S, C để sử dụng cho bản thân, tuy nhiên do chưa cấu thành tội phạm nên CQCSĐT đã đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với Hà Thiêm T là người được Lương Đức C cho sử dụng ma túy và không được chứng kiến việc S, C bán ma túy cho những người nghiện nên CQCSĐT xem xét xử lý hành chính là phù hợp.

[6]. Về vật chứng của vụ án, biện pháp tư pháp:

- 01(một) phong bì niêm phong ký hiệu “T54” bên trong có chứa 1,070g ma túy và phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “S4”; 01(một) phong bì niêm phong ký hiệu “S5” bên trong có chứa giấy gói và phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “S”. Tất cả không có giá trị hoặc bị cấm lưu hành, tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01(một) phong bì niêm phong ký hiệu “S6”, bên trong có chứa một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím cứng, màu xanh đen, đã qua sử dụng, một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màn hình cảm ứng, màu vàng đồng, đã qua sử dụng, 02 phong bì niêm phong ban đầu. Hai chiếc điện thoại thu của bị cáo Sinh không được sử dụng liên lạc phục vụ việc mua bán ma túy nên cần tạm giữ để thi hành án cho bị cáo S. Vở phong bì ký hiệu “S6” cùng số phong bì bên trong không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “S7” bên trong có 530.000đ thu giữ của bị cáo S và phong bì niêm phong ban đầu. Xét thấy số tiền trên không có liên quan đến hành vi phạm tội của S nên cần tạm giữ để thi hành án cho bị cáo S. Vở phong bì ký hiệu “S7” và phong bì bên trong không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “S7” bên trong có 120.000đ thu giữ của bị cáo C và phong bì niêm phong ban đầu. Xét thấy số tiền trên không có liên quan đến hành vi phạm tội của C nên cần tạm giữ để thi hành án cho C.

Vỏ phong bì ký hiệu “S7” cùng phong bì bên trong không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền do bị cáo S bán ma túy vào các ngày 23, 24/02/2019 là 500.000đ. Số tiền này, S không chia cho C mà tiêu sài cá nhân hết nên cần buộc S nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

- 01(một) chứng minh nhân dân mang tên Trần Đăng S; 01 (một) ví giả da màu nâu đã qua sử dụng thu giữ của C; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lương Đức C; 01 (một) thẻ điều trị Methadone mang tên Lương Đức C. Tất cả các tài sản này không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo.

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 97F6 - 5543 được bị cáo C sử dụng chở S đi bán ma túy vào các ngày 23, 24/02/2019. Qua điều tra đã xác định được chiếc mô tô này là tài sản của ông Lương Văn H, bà Hà Thị Q (bố mẹ đẻ của bị cáo C). Canh lấy xe đi chở S đi chơi và bán ma túy thì ông H, bà Q không biết nên CQCSĐT không tạm giữ chiếc mô tô này.

- Đối với những chiếc xe mô tô mà L dùng để chở T, T chở S1, Q điều khiển đi mua ma túy với S, C. Qua điều tra đã xác định được các xe trên đều là tài sản mượn của người khác nên CQCSĐT không tạm giữ.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trần Đăng S phạm: “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Đăng S 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/02/2019.

- Căn cứ: Điểm b, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lương Đức C phạm: “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lương Đức C 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 28/02/2019.

- Về vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “T54” bên trong có chứa 1,070g ma túy và phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “S4”; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “S5” bên trong có chứa giấy gói và phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “S”; 01 (một) vỏ phong bì ký hiệu “S6” cùng 02

(hai) phong bì niêm phong ban đầu; 02 (hai) vỏ phong bì ký hiệu “S7” cùng phong bì niêm phong ban đầu.

+ Trả lại cho Trần Đăng S 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trần Đăng S.

+ Trả lại cho Lương Đức C: 01 (một) ví giả da màu nâu đã qua sử dụng ; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lương Đức C; 01 (một) thẻ điều trị Methadone mang tên Lương Đức C.

+ Tiếp tục tạm giữ của Trần Đăng S: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím cứng, màu xanh đen, đã qua sử dụng, 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màn hình cảm ứng, màu vàng đồng, đã qua sử dụng chứa trong phong bì niêm phong ký hiệu “S6”; 530.000đ (năm trăm ba mươi nghìn đồng) chứa trong phong bì ký hiệu “S7” để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo S.

+ Tiếp tục tạm giữ của Lương Đức C số tiền 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng) chứa trong phong bì niêm phong ký hiệu “S7” để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo C.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 21/6/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

- Buộc bị cáo Trần Đăng S nộp lại số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) do bán ma túy mà có để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Các bị cáo Trần Đăng S, Lương Đức C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện B;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Công an huyện B;
- Các bị cáo;
- Chi cục THADS huyện B;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Doanh

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Đăng Hùng Nguyễn Thị Gấm

Nguyễn Thế Doanh

